

TÒA ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ Đ
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/DS - ST

Ngày: 31 - 5 - 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ Đ - TỈNH L

- **T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Phú;
- Bà Mai Lương Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân T phố Đ, tỉnh L.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Đ - tỉnh L tham gia phiên tòa:**
Bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Đ - tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 246/2022/TLST - DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐST - DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

N đơn: Ông Nguyễn Thái T, sinh năm: 1966.

Bà Doãn Thị Thu S, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Số 25B, tổ 32 Nam Hồ, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T, bà S: Anh Lê Cao T, sinh năm: 1985, địa chỉ: Số 135, đường N, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh L (theo văn bản ủy quyền ngày 18/11/2022) - có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B.

Địa chỉ: thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh L (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Anh Hà Bảo N, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 03, đường Thiên T, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh L.

2/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 26, đường T, Phường K, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2022, đơn sửa đổi bổ sung ngày 15/11/2022, trình bày của N đơn và trình bày của người đại diện ủy quyền của N đơn thì: Do có mối quan hệ quen biết với nhau, quá trình anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B cần tiền làm ăn nên đã vay tiền của ông Nguyễn Thái T, bà Doãn Thị Thu S. Theo hợp đồng vay tiền ngày 12/4/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trương Anh thì anh Q, chị B đã ký hợp đồng vay tiền của ông T, bà S với số tiền 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*). Việc chuyển tiền vay được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 9938899999 của anh Nguyễn Văn T mở tại Ngân hàng Vietcombank qua số tài khoản cho anh Đỗ Nam Q là 102889979899 mở tại ngân hàng Viettinbank, chuyển khoản vào ngày 12/4/2022, do thời điểm đó anh Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Nguyễn Thái T, bà Doãn Thị Thu S như trình bày của ông T, bà S và lời trình bày của anh Nguyễn Văn T. Quá trình để làm tin bảo đảm cho khoản vay thì anh Q, chị B có giao cho ông T, bà S giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, sau đó anh Q, chị B báo với ông T, bà S xin mượn lại giấy chứng nhận sẽ bán đất trả nợ cho ông T, bà S. Do tin tưởng nên ông T, bà S đã đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Q, chị B và ngày 24/6/2022 anh Q, chị B đã cho nhân viên của mình là anh Huỳnh Bảo N đến lấy sổ về.

Nhưng sau khi trả lại giấy chứng nhận cho anh Q, chị B xong cũng không thấy anh Q, chị B trả tiền, nên nhiều lần ông T, bà S đã liên lạc đòi tiền nhưng anh Q, chị B không trả nợ. Được biết ngoài nợ của ông T, bà S thì vợ chồng anh Q, chị B còn nợ rất nhiều người khác.

Từ khi cho vay đến nay anh Q, chị B chưa trả tiền lãi cũng như tiền gốc cho ông T, bà S. Nay ông T, bà S khởi kiện yêu cầu anh Q, chị B có trách nhiệm trả số nợ gốc là 2.000.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 12/4/2022. Ngoài ra không còn yêu cầu gì thêm.

Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T trình bày thì: Anh xác nhận trước đây anh có nhận chuyển nhượng đất của ông T, bà S, sau đó ông T, bà S đã cho anh số tài khoản của anh Đỗ Nam Q và bảo anh T chuyển tiền mua đất vào tài khoản của anh Q, nên vào ngày 12/4/2022 anh T đã chuyển khoản số tiền 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*) chia làm 5 lần chuyển mỗi lần là 400.000.000đ, anh chỉ biết chuyển tiền qua tài khoản của anh Q thay cho ông T, bà S thay vì trả tiền mặt mua đất, còn việc vay mượn tiền giữa anh T, bà S với anh Q hoàn toàn không liên quan gì đến anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Bảo N trình bày: Anh xác nhận vào ngày 24/6/2022, anh Q đã nhờ anh đến nhà ông T, bà S để nhận lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do trước đó anh Q đưa cho bà S, anh xác nhận đã giao giấy chứng nhận cho anh Q. Việc làm ăn vay nợ giữa ông T, bà S với anh Q không liên quan gì đến anh.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự để làm việc và hòa giải nhưng bị đơn anh Q, chị B vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Anh Lê Cao T là người đại diện theo ủy quyền của N đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật buộc vợ chồng anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông T, bà S số tiền nợ gốc đã vay là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) theo giấy vay tiền đã được văn phòng công chứng Trương Anh chứng thực vào ngày 12/4/2022. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Đ phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, đương sự và Hội Đồng xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn ông Nguyễn Thái T, bà Doãn Thị Thu S về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B. Buộc anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B phải thanh toán cho ông T, bà S số tiền 2.000.000.000đ cho ông Nguyễn Thái T, bà Doãn Thị Thu S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc giữa N đơn ông Nguyễn Thái T, bà Doãn Thị Thu S và bị đơn anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B có xác lập giao dịch dân sự vay mượn tiền, do quá trình bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Quá trình bên cho vay ông T, bà S khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Q, chị B có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc đã vay. Do vậy có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân T phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: Qua xác minh tại Công an xã Xuân Trường đã xác định được bị đơn anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B có đăng ký thủ tục thường trú tại thôn Trường Sơn, xã Xuân Trường, T phố Đ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn, nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo tài liệu chứng cứ do N đơn cung cấp là “*Hợp đồng vay tiền*” được Văn phòng công chứng Trương Anh chứng thực vào ngày 12/4/2022 thể hiện nội dung anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B ký nhận vay của anh Nguyễn Thái T, bà Doãn Thị Thu S số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay để kinh doanh, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án N đơn ông T, bà S cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T đã trình bày sau khi ký hợp đồng cho vay ông T, bà S đã yêu cầu anh Nguyễn Văn T chuyển khoản số tiền 2.000.000.000đ từ tài khoản của anh T là số 9938899999 S qua tài khoản của anh Q là số 102889979899, chuyển khoản vào ngày 12/4/2022 T 5 lần mỗi lần là 400.000.000đ.

[3.3] Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh L xác định được vào ngày 12/4/2022 anh Nguyễn Văn T đã chuyển khoản số tiền 2.000.000.000đ qua tài khoản cho anh Đỗ Nam Q, chuyển khoản 5 lần mỗi lần chuyển 400.000.000đ như trình bày nêu trên của các đương sự.

[3.3] Xét lời trình bày của phía N đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp phù hợp với tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được, nên có căn cứ xác định giữa N đơn ông T, bà S và bị đơn anh Q, chị B đã xác lập giao dịch vay mượn tiền, hợp đồng vay được Văn phòng công chứng Trương Anh chứng thực vào ngày 12/4/2022 và việc giao tiền thông qua hình thức chuyển khoản. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt, nhưng xét chứng cứ “*Hợp đồng vay tiền*” có chứng thực và việc giao tiền đã được phía N đơn đã chuyển khoản T công cho bị đơn.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn ông Nguyễn Thái T, bà Doãn Thị Thu S về việc yêu cầu bị đơn anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc đã vay 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*) là có cơ sở được chấp nhận.

[3.4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án N đơn ông T, bà S không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn ông Nguyễn Thái T, bà Doãn Thị Thu S về việc yêu cầu bị đơn anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc đã vay là 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*) theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Trương Anh chứng thực vào ngày 12/4/2022.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên N đơn ông T, bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn anh Q, chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho N đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” của N đơn ông Nguyễn Thái T, bà Doãn Thị Thu S đối với bị đơn anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B.

Tuyên xử:

1/Buộc anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B phải có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thái T, bà Doãn Thị Thu S số tiền nợ gốc là 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*) theo Hợp đồng vay tiền đã được Văn phòng công chứng Trương Anh chứng thực vào ngày 12/4/2022.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Anh Đỗ Nam Q, chị Lê Hồng B phải chịu 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông T, bà S số tiền 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002442 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Đ, tỉnh L.

3/Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2023). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Lan

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

